

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý IV năm 2008

Đơn vị tính: VND

I.A. BANG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I.	Tài sản ngắn hạn	1,168,124,207,679	1,690,800,009,518
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39,933,872,084	82,650,055,508
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11,308,459,280	10,613,536,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	608,200,244,655	476,197,035,892
4	Hàng tồn kho	507,269,506,293	1,120,636,698,518
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,412,125,367	702,683,600
II	Tài sản dài hạn	1,207,089,402,892	3,956,485,174,200
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	1,022,078,936,644	3,735,414,529,562
	- Tài sản cố định hữu hình	346,463,473,667	353,490,456,660
	- Tài sản cố định vô hình	87,113,189,294	85,568,512,637
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	588,502,273,683	3,296,355,560,265
3	Bất động sản đầu tư	-	
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14,000,000,000	56,000,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	171,010,466,248	165,070,644,638
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,375,213,610,571	5,647,285,183,718
IV	Nợ phải trả	1,414,959,759,192	4,687,081,833,192
1	Nợ ngắn hạn	676,874,066,474	1,689,336,683,530
2	Nợ dài hạn	738,085,692,718	2,997,745,149,662
V	Vốn chủ sở hữu	960,253,851,379	960,203,350,526
1	Vốn chủ sở hữu	961,440,858,314	963,981,178,208
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	870,000,000,000	870,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	
	- Cổ phiếu quỹ	-	(902,752,100)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(8,897,976,309)	(8,092,015,109)
	- Các quỹ	-	32,500,000,000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100,338,834,623	70,475,945,417
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	(1,187,006,935)	(3,777,827,682)
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1,187,006,935)	(3,777,827,682)
	- Nguồn kinh phí	-	
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,375,213,610,571	5,647,285,183,718

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	767,935,245,743	2,565,713,848,501
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	11,338,437,600	20,498,628,492
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	756,596,808,143	2,545,215,220,009
4	Giá vốn hàng bán	635,317,550,641	2,240,225,888,254
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121,279,257,502	304,989,331,755
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,091,546,826	7,987,765,302
7	Chi phí tài chính	25,369,131,137	81,132,829,403
8	Chi phí bán hàng	30,842,962,498	91,044,395,770
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,019,864,125	69,069,852,961
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50,138,846,568	71,730,018,923
11	Thu nhập khác	548,037,136	973,203,491
12	Chi phí khác	217,066,933	2,227,276,997
13	Lợi nhuận khác	330,970,203	(1,254,073,506)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50,469,816,771	70,475,945,417
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,469,816,771	70,475,945,417
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Giải trình nguyên nhân tăng so với quý III/2008

Chỉ tiêu	Quý IV/2008	Quý III/2008	Tăng (giảm)	% tăng (giảm)
Doanh thu thuần	756,596,808,143	599,586,204,713	157,010,603,430	26%
Giá vốn	635,317,550,641	515,961,858,273	119,355,692,368	23%
Lợi nhuận gộp	121,279,257,502	83,624,346,440	37,654,911,062	45%
Chi phí tài chính	25,369,131,137	16,027,530,502	9,341,600,635	58%
Chi phí bán hàng	30,842,962,498	24,018,092,568	6,824,869,930	28%
Chi phí quản lý	17,019,864,125	21,957,644,085	(4,937,779,960)	-22%
Lợi nhuận	50,469,816,771	22,419,540,082	28,050,276,689	125%

Quý IV/2008 lãi 28,05 tỷ đồng tăng so với quý III/2008 do nguyên nhân chủ yếu sau :

- Sản lượng quý IV/2008 tăng 24,79% so với quý III/2008 nên doanh thu tăng 26%, và tốc độ tăng giá vốn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, nên lợi nhuận gộp quý IV/2008 tăng hơn quý III/2008 là 37,6 tỷ.
- Chi phí tài chính quý IV/2008 tăng 9,3 tỷ so với quý III/2008, chủ yếu do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng làm cho lợi nhuận quý IV/2008 giảm so với quý III/2008 là 9,3 tỷ.

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2009
Giám Đốc